

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 407/2025/DS-PT

Ngày 23/9/2025

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 823/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 578/2025/QĐ-PT, ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị M, sinh năm 1951; cư trú tại: số C, K, S, CA 95111, USA; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh); theo hợp đồng uỷ ngày 08/10/2024; có đơn xin xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1956; cùng cư trú tại: tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Nay là tổ H, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà C, bà Á: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: 36/90/6, khu phố C, phường A, quận A, TP. Hồ Chí Minh (Nay là 36/90/6, khu phố C, phường A, quận A, TP. Hồ Chí Minh); theo hợp đồng uỷ quyền ngày 18/11/2024; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Á là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/10/2024, Bản tự khai ghi ngày 11/11/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị M1 trình bày:*

Bà Đinh Thị M là chị ruột của bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Á. Bà M đã nhiều lần chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam qua số tài khoản của bà C và bà Á để cho bà C, bà Á vay tiền kể từ ngày 13/11/2008 đến ngày 07/12/2020 (có bản sao kê kèm theo) là 26.950 USD quy đổi sang tiền Việt Nam đồng khoảng 673.750.000 đồng (sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), không lãi suất và thỏa thuận đến ngày 10/12/2020 phía bà C, bà Á sẽ hoàn trả số tiền trên. Nhưng khi đến hạn bà C và bà Á không trả tiền lại cho bà M.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Á phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 26.950 USD bằng tiền Việt Nam đồng khoảng 673.750.000 đồng (sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ngày 25/3/2025 tại Phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải. Bà Đỗ Thị M1 xác định lại phạm vi khởi kiện là yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Á phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà M số tiền theo bản sao kê giao dịch của Công ty TNHH K (Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh T1) là 8.400 USD đối với bà Á và 4.900 USD đối với bà C. Bà M1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.650 USD và sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác khi có đủ tài liệu chứng cứ.

** Theo Bản tự khai ghi ngày 21/11/2024 của bị đơn bà Nguyễn Thị C, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C thống nhất với bà Đinh Thị M về mối quan hệ nhân thân, bà trình bày thêm là từ nhỏ bà M lấy họ của mẹ là bà Đinh Thị T, sinh sống tại Campuchia, sau đó bà M vượt biên sang Mỹ, rồi định cư tại Mỹ cho đến nay. Khi mẹ ruột của bà C còn sống, mỗi khi bà M gửi tiền về thì bà T tự nhận tiền. Đến khi mẹ già yếu, ngã bệnh, đi lại khó khăn, nên bà T có nhờ bà C nhận tiền USD (Đô la Mỹ) giúp, bà thừa nhận có nhận 02 lần, mỗi lần khoảng 200 USD, việc bà M gửi tiền về cho mẹ là bà Đinh Thị T vào ngày, tháng, năm nào thì bà không rõ. Khi nhận tiền xong thì bà C đến tiệm V1 (USD) sang tiền Việt Nam đồng và giao lại tiền cho mẹ bà sử dụng, khi người con nào của bà T đi mua thuốc, hay các nhu yếu phẩm thì bà T đưa tiền, số tiền mà bà M gửi về là tiền để nuôi mẹ, bà C không được hưởng khoản tiền này. Bản thân bà C không vay mượn khoản tiền nào của bà M. Nay bà Đinh Thị M từ nước ngoài (Mỹ) trở về làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản số tiền 26.950 USD tương đương số tiền 673.750.000 đồng thì bà C không đồng ý vì cho rằng bà không vay mượn khoản tiền nào của bà M.

** Theo Bản tự khai ghi ngày 21/11/2024 của bị đơn bà Nguyễn Thị Á, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M, bà xác định không có nợ bà M bất cứ khoản tiền nào và yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M đối với bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á.

Buộc bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á phải hoàn trả lại cho bà Đinh Thị M số tiền cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị C hoàn trả cho bà M số tiền 122.304.000 (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Á hoàn trả cho bà M số tiền 209.664.000 (hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M đối với bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á với số tiền 13.650 (mười ba nghìn sáu trăm năm mươi Đô la Mỹ - USD).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/5/2025 bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Đinh Thị M. Tại phiên tòa bà C, bà Á giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bà C, bà Á trình bày:

Bà C, bà Á không có quan hệ vay mượn tiền của bà M nên không có nợ tiền của bà M. Bà C, bà Á có nhận tiền của bà M từ nước ngoài gửi về nhằm thực hiện những công việc theo yêu cầu của bà M như lo chi phí sinh hoạt, sau này là chi phí mai táng cho chồng của bà M ở Campuchia; việc này có người nhận tiền của bà C, bà Á xác nhận đã cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm; ngoài ra bà M gửi tiền về để mua đất của bà N cho bà M nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa bà N vào làm việc. Do đó, bà

C, bà Á nhận tiền của bà M để thực hiện những yêu cầu của bà M và đã thực hiện nên không có nợ tiền bà M; mặt khác, số tiền bà C, bà Á nhận của bà M cũng không khớp, không đúng ký nhận của bà C, bà Á. Mong Hội đồng chấp nhận đơn kháng cáo của bà C, bà Á sửa Bản án sơ thẩm; bác đơn khởi kiện của bà M.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của bà C, bà Á đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết; bà C, bà Á nhận tiền của bà M nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Nay bà C, bà Á nại ra các yêu cầu là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà C, bà Á và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét kháng cáo của bà C, bà Á thì thấy:

[3.1]. Người đại diện hợp pháp của bà C, bà Á cho rằng giữa bà M với bà C, bà Á không có quan hệ vay mượn tiền nên không có nợ tiền bà M nhưng sau đó lại xác nhận bà C, bà Á có nhận tiền của bà M ở nước ngoài gửi về để lo chi phí cho chồng bà M ở Campuchia, lo mai táng khi chồng bà M chết ở Campuchia và cho tiền những người thân theo yêu cầu của bà M. Tại cấp phúc thẩm, bà C và bà Á cung cấp các giấy tay của ông Sa V ghi nhận ngày 13/4/2019 có chở ba tôi ra trạm chuyển phát thư, chuyển tiền để nhận 2.900 USD lo đám tang cho chồng bà M; giấy tay của ông Vũ Văn S, bà Dương Thị D và ông Đỗ Văn D1 ghi đã nhận tiền USD của bà M gửi về tặng cho. Các tài liệu bà C và bà Á cung cấp chỉ là giấy tay; bà C và bà Á cũng không cung cấp được chứng từ về nội dung chuyển tiền của bà M. Nay, bà C và bà Á cho rằng nhận số tiền trên của bà M để thực hiện yêu cầu của bà M lo cho chồng bà M ở Campuchia, tặng cho những người thân trong gia đình, họ hàng của bà M là chưa đủ cơ sở.

[3.2]. Nay tại cấp phúc thẩm bà C, bà Á lại cho rằng bà C nhận số tiền 4.900USD và bà Á nhận số tiền 8.400USD nhằm mục đích mua giúp đất cho bà M; tại cấp phúc thẩm bà C và bà Á cung cấp bản pho to Giấy sang nhượng đất lập ngày 17/01/2019 có nội dung bà Nguyễn Thị N bán cho bà Đinh Thị M diện tích đất (10m x 70m); bà M đưa trước 11.300USD, khi về nước bà M trả tiếp cho bà N 3.000USD. Diện tích đất trên, bà N thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp huyện T vay số tiền 600.000.000 đồng (gần 30.000USD), bà M có trách nhiệm trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Sau khi bà M trả hết tiền cho Ngân hàng, bà N nhận giấy và làm thủ tục tách diện tích trên cho bà M; người bán là bà N, người mua là bà M và nhân chứng ông M2, bà C và bà Á ký nhận. Như vậy, nội dung bản pho to này thể hiện việc mua bán và giao nhận tiền

giữa bà N và bà M không liên quan đến bà C, bà Á. Giấy sang nhượng đất đánh máy trên có ghi thêm bằng chữ viết: *Số tiền 30.000USD tương đương 600.000.000 đồng, bà M chuyển về cho bà C và bà Á nhận; có trách nhiệm giao cho bà N, để trả nợ cho Ngân hàng N, tiền gốc và tiền lãi.* Đến nay, bà C và bà Á không cung cấp được Giấy sang nhượng đất bản chính, để xác định có nội dung chữ viết ghi thêm hay không; bà C và bà Á cũng không thừa nhận đã nhận đủ 30.000USD của bà M nên bà M căn cứ chứng từ Công ty TNHH K cung cấp, chỉ yêu cầu bà C và bà Á trả 13.300USD nên chữ viết ghi *Số tiền 30.000USD tương đương 600.000.000 đồng, bà M chuyển về cho bà C và bà Á nhận...* không phù hợp với số tiền bà C và bà Á đã nhận của bà M; nay bà C và bà Á cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã giao tiền cho bà N để mua đất giùm cho bà M. Do đó, nếu có căn cứ và có yêu cầu thì bà C và bà Á được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Bà C, bà Á kháng cáo nại ra rằng chứng từ bà Á nhận tiền ngày 01/6/2018 nhận 1.000USD, ngày 29/01/2019 nhận 2.900USD và ngày 17/7/2019 nhận 1.400USD không phải chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà Á. Chứng từ bà C nhận tiền ngày 09/12/2016 nhận 500USD và ngày 12/12/2018 nhận 1.500USD không phải chữ ký, chữ viết của bà C nên yêu cầu giám định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà C và bà Á đã thừa nhận có nhận số tiền trên của bà M nhưng đã thực hiện theo yêu cầu của bà M; nay bà C và bà Á đưa ra yêu cầu giám định nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, bà C còn cho rằng chứng từ ngày 12/4/2019 bà C có nhận 2.900USD của bà M để gửi qua Campuchia làm đám tang cho chồng bà M nhưng bà C cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà C và bà Á.

[3.4]. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà M đối với bà C và bà Á. Buộc bà C phải hoàn trả lại cho bà M số tiền 4.900USD quy đổi sang tiền Việt Nam đồng là $4.900 \text{ USD} \times 24.960 \text{ đồng/1 USD} = 122.304.000 \text{ đồng}$ và bà Á trả 8.400USD quy đổi sang tiền Việt Nam đồng là $8.400 \text{ USD} \times 24.960 \text{ đồng/1 USD} = 209.664.000 \text{ đồng}$ là có cơ sở; phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Bản sao kê giao dịch của Công ty TNHH K (*kèm theo Công văn số 1098/KHDA-QTRR, ngày 18/12/2024*), các chứng cứ theo lịch sử giao dịch, chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của bà Đinh Thị M từ nước ngoài gửi về cho bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Á từ ngày 09/12/2016 đến ngày 07/8/2020 và Công văn số 315/KHDA-QTRR, ngày 18/04/2025 Công ty TNHH K.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của người đại diện cho người kháng cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Bác đơn kháng cáo của bà C và bà Á; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà C phải chịu án phí phúc thẩm, bà Á được miễn do người cao tuổi.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M đối với bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á.

Buộc bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á phải hoàn trả lại cho bà Đinh Thị M số tiền cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị C hoàn trả cho bà Đinh Thị M số tiền 122.304.000 (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Á hoàn trả cho bà Đinh Thị M số tiền 209.664.000 (hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M đối với bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Á với số tiền 13.650USD.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đinh Thị M số tiền tạm ứng án phí 15.475.000 (mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000774 ngày 25 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

Bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.115.200 (sáu triệu một trăm mười lăm nghìn hai trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Á được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001103 ngày 05/5/2025 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

Bà Nguyễn Thị Á được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công - Đinh Ngọc Thu Hương

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Khoa

Đinh Ngọc Thu Hương

Đặng Văn Ý

